TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-PT
Ngày 09-4-2019
V/v "Tranh chấp chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Tiên.

Các thẩm phán: Ông Đỗ Văn Thinh;

Ông Nguyễn Văn Tòng.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hà Thị Cẩm Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:* Ông Trần Nhật Linh- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 01/2019/TLPT-DS ngày 02 tháng 01 năm 2019 về việc "Tranh chấp chia tài sản khi ly hôn".

Do bản án hôn nhân gia đình số sơ thẩm số 104/2018/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Th, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 14/2019/QĐPT -HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1972; Địa chỉ: xã V, huyện Th, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1960; Địa chỉ: Phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh – là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 13-4-2019). – Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1968; Địa chỉ: xã Đ, huyện Th, tỉnh Tây Ninh. – Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Quỹ tín dụng nhân dân xã B. Địa chỉ: xã B, huyện Th, tỉnh Tây Ninh. (Tòa án không triệu tập)

- Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1987; Địa chỉ: xã Đ, huyện Th, tỉnh Tây Ninh. (Tòa án không triệu tập)

- Bà Đặng Thị V, sinh năm 1929; Địa chỉ: xã Đ, huyện Th, tỉnh Tây Ninh. (Tòa án không triệu tập)

4. Người kháng cáo: ông Nguyễn Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 4 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị T và người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị L2 trình bày trình bày:

Chị T và anh L chung sống từ năm 1992; đã ly hôn theo theo Quyết định số 110/2011/QĐST-HNGĐ ngày 13-5-2011. Khi ly hôn, chị và anh L chưa chia tài sản chung. Tài sản chung gồm phần đất phần đất diện tích 373,3 m^2 và căn nhà cấp 4B; nguồn gốc phần đất là do anh chị nhận chuyển nhượng của ông Đỗ Thới Cấn và bà Lê Thị Bến; tiền xây nhà 01 phần do chị và anh L dành dụm, 01 phần do chị chuyển nhượng phần đất cha chị cho.

Nay chị T yêu cầu anh L chia nhà và đất nêu trên. Chị yêu cầu được nhận giá trị tương ứng 400.000.000 đồng; hoặc nhận nhà, đất và chị giao cho anh L 400.000.000 đồng.

Về nợ chung: Ngày 17-5-2017, chị và anh L có ký hợp đồng tín dụng số 328/1/HĐTD để vay 80.000.000 đồng của Quỹ tín dụng nhân dân xã B để chăn nuôi bò, thời hạn vay 13 tháng.

Bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian ly hôn, về tài sản chung. Tuy nhiên về nguồn gốc phần đất là do mẹ anh cho anh một chiếc xe mô tô Cub 81, anh bán được 3,7 lượng vàng 24 kara để mua vào khoảng năm 1994 - 1995. Về tiền xây căn nhà 01 một phần do anh và chị T dành dụm, một phần tiền để xây nhà do mẹ anh là bà Đặng Thị V cho. Sau khi ly hôn, anh cùng các con sử dụng nhà và đất và hiện cho chị Nguyễn Thị Ngọc H thuê để bán tạp hóa. Khi ly hôn, chị T và anh thỏa thuận để nhà đất lại cho các con. Do đó, chị T yêu cầu chia là không đúng nên anh không đồng ý.

Về nợ chung: Ngày 17-5-2017 anh và chị T ký hợp đồng tín dụng số 328/1/HĐTD vay Quỹ tín dụng nhân dân xã B 80.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh đã trả nợ xong, không yêu cầu giải quyết phần nợ này;

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị Bích Tuyền trình bày: Ngày 17-5-2017 anh L chị T có ký hợp đồng tín dụng số 328/1/HĐTD để vay 80.000.000 đồng, để chăn nuôi bò, thời hạn vay 13 tháng. Ngày 22-6-2018, anh L đã trả xong khoản nợ. Quỹ tín dụng đã rút yêu cầu khởi kiện đối với anh L chị T.

Chị Nguyễn Thị Ngọc H: Chị có thuê của anh Nguyễn Văn L phần đất để bán tạp hóa, hàng tháng chị trả cho anh L 600.000 đồng, thời hạn thuê một năm.

Nay chị T yêu cầu chia phần đất, chị không có ý kiến gì. Nếu chị T sử dụng thì chị trả lại cho chị T, chị không có yêu cầu gì.

Bà Đặng Thị V trình bày: Bà có cho anh L một chiếc xe mô tô Cub 81 để anh L bán mua đất (khi cho anh L và chị T là vợ chồng). Anh L bán xe mô tô Cub 81 với giá bao nhiêu chị không biết. Sau đó, anh L nhận chuyển nhượng một phần đất của ông Đỗ Thới Cấn với số tiền bao nhiêu, bà cũng không biết vì thời gian đó bà ở căn nhà trên ruộng tại ấp Thanh Đông, xã Đ, huyện Th, tỉnh Tây Ninh. Bà mới chuyển về nhà anh L ở khoảng 10 năm nay. Ngoài ra, khi xây nhà, bà có cho cho anh L khoảng 200.000.000 đồng để phụ tiền xây. Bà đã cho anh L số tiền trên thì anh L tự quyết định, bà không có ý kiến.

Tại bản án sơ thẩm số 104/2018/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Th, tỉnh Tây Ninh quyết định:

Căn cứ Điều 29; 30; 59 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Anh Nguyễn Văn L được quyền sở hữu, sử dụng phần đất 373,3 m^2 tại ấp Thanh Đông, xã Đ, huyện Th, tỉnh Tây Ninh; 01 (một) căn nhà cấp 4B, móng xây gạch, nền gạch men, tường gạch, trần thạch cao, mái lợp tol, của sắt, kính, diện tích 123,35 m^2 (có sơ đồ kèm theo).

Anh L có nghĩa vụ giao cho chị T 324.478.000 đồng.

- Đình chỉ yêu cầu của Quỹ tín dụng nhân dân xã B về việc yêu cầu chị T, anh L trả 80.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí đo đạc định giá, án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền kháng cáo.

*** Nội dung kháng cáo:** Theo đơn kháng cáo đề ngày 20-11-2018 của anh Nguyễn Văn L yêu cầu không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị T về việc "Chia tài sản chung sau khi ly hôn", yêu cầu chia nợ chung, yêu cầu bà Trần Thị T cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa thẩm, anh L trình bày: Anh và chị T chung sống từ năm 1992. Năm 2011, khi giải quyết ly hôn, anh và chị T thỏa thuận anh nuôi các con, anh trả nợ Quỹ tín dụng Thái Bình nên nhà và đất không chia để lại cho các con ở còn chị T đi nước ngoài. Vì vậy nhà và đất vẫn còn đứng tên anh và chị T. Còn khoản vay 80.000.000 đồng ngày 15/7/2017 thực tế là khoản từ năm 2005, không có tiền trả nợ, cứ đến hạn trả nợ anh phải vay tiền nóng bên ngoài trả cho Quỹ tín dụng rồi vay lại trả nợ bên ngoài cho đến nay. Năm 2004 xây nhà còn nợ tiền vật tư nên phải vay Quỹ tín dụng để trả nợ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:* Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng qui định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo luật Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa phúc thẩm dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng:* Đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội qui phiên tòa.

- *Về nội dung:* Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn L; Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữa nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đối với kháng cáo yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu này anh L không có yêu cầu giải quyết Tòa án cấp sơ thẩm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở xem xét.

[2]. Xét kháng cáo đối với yêu cầu chia tài sản chung:

Phần đất diện tích 373,3 m^2 thuộc thửa 50, tờ bản đồ số 42 tại ấp Thanh Đông, xã Đ, huyện Th, tỉnh Tây Ninh đã được Ủy ban nhân dân huyện Th cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02103 QSDĐ/2234/2004/HĐCN-HL ngày 20-7-2004, Nguyễn Văn L đứng tên. Anh L và chị T đều trình bày nhận chuyển nhượng năm 1995 và xây nhà năm 2004, nghĩa là tài sản được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân của anh chị nên là tài sản chung của vợ chồng theo quy định tại Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình. Anh L cho rằng phần đất trên là tài sản chung riêng của anh do mẹ anh là bà Vy cho anh tài sản anh bán tài sản được cho để nhận chuyển nhượng phần đất này nhưng anh L không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm nhà đất là tài sản chung của anh L và chị T và chấp nhận yêu cầu chia tài sản của chị T sau khi ly hôn là có căn cứ. Tuy nhiên khi chia chưa tính đến công sức tạo lập, duy trì và phát triển tài sản của các bên. Anh chị đều khai, tiền xây nhà, nhận chuyển nhượng đất do anh chị dành dụm. Trong thời gian anh chị chung sống, anh L làm thuê và chạy xe lôi là người tạo thu nhập chính trong gia đình. Mặt khác, năm 2011, khi ly hôn anh L phải trả nợ tiền vay để duy trì quyền sử dụng nhà đất. Do đó cần phải chia cho anh L 06 phần chị T 04 phần mới đảm bảo được quyền lợi của các bên theo đúng quy định tại Khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Đối với kháng cáo liên quan đến khoản vay 80.000.000 đồng:

Đối chiếu Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02103 QSDĐ/2234/2004/HĐCN-HL ngày 20-7-2004, thấy rằng: từ năm 2005 đến năm 2017 anh L và chị T đã thế chấp quyền sử dụng đất liên tục để vay tiền. Như vậy anh L cho rằng khoản vay 80.000.000 đồng xuất phát từ khoản vay năm 2005 vay

để trả nợ tiền xây nhà, không có khả năng thanh toán nên đến nay nay vẫn còn nợ là có căn cứ; cho nên chị T và anh L cùng phải có trách nhiệm đối với khoản vay này. Do đó, khi chia tài sản cần phải khấu trừ vào giá trị tài sản chung trước khi chia. Cụ thể giá trị tài sản anh L được chia là 421.373.600 đồng, giá trị tài sản chị T được chia là 227.582.400 đồng.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí trên giá trị tài sản được chia.

[4] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của anh L được chấp nhận một phần nên ông Liêm không phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Nguyễn Văn L. Sửa bản án sơ thẩm số 104/2018/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Th, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ Điều 29, 30 và Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T đối với ông Nguyễn Văn L về việc "Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn".

- Anh Nguyễn Văn L được quyền sở hữn, quyền sử dụng các tài sản sau:

Phần đất diện tích 373,3 m^2 thuộc thửa 50, tờ bản đồ số 42 tại xã Đ, huyện Th, tỉnh Tây Ninh được UBND huyện Th cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02103 QSDĐ/2234/2004/HĐCN-HL ngày 20-7-2004 anh Nguyễn Văn L đứng tên; (có sơ đồ kèm theo);

Căn nhà cấp 4B, móng xây gạch, nền gạch men, tường gạch, trần thạch cao, mái lợp tol, của sắt, kính, diện tích 123,35 m^2 trên phần đất nêu trên

- Anh Nguyễn Văn L có nghĩa vụ thanh toán cho chị Trần Thị T 227.582.400 đồng (Hai trăm hai mươi bảy triệu năm trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ yêu cầu của Quỹ tín dụng nhân dân xã B về yêu cầu chị T, anh L trả 80.000.000 đồng.

3. Chi phí tố tụng: Chị Trần Thị T từ nguyện chịu 1.200.000 đồng chi phí đo đạc, định giá. Ghi nhận chị T đã nộp xong.

4. Về án phí sơ thẩm:

Chị Trần Thị T phải chịu 11.379.000 đồng (Mười một triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn đồng). Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 12.000.000 đồng theo biên lai thu số 0019008 ngày 05-4-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Th, tỉnh Tây Ninh. Hoàn trả cho chị T 621.000 đồng (Sáu trăm hai mươi mốt nghìn đồng).

Anh Nguyễn Văn L phải chịu 20.855.000 đồng. (Hai mươi triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn đồng)

Hoàn trả cho Quỹ tín dụng nhân dân xã B 2.027.000 đồng (Hai triệu không trăm hai mươi bảy ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 00018521 ngày 07-6-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Th, tỉnh Tây Ninh.

5. Án phí phúc thẩm:

Hoàn trả cho anh L 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0019172 ngày 20-11-2018 của 5 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Th, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh;
- TAND H.;
- Chi cục H;
- Phòng KTNV;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

Nguyễn Thị An Tiên